

Số: 175 /BC-TH

Tây Nam, ngày 05 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học: 2025 - 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Công văn số 2500/SGDĐT-QLCL ngày 18/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT;

Trường Tiểu học An Tây báo cáo thường niên theo quy định, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học An Tây

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: Cơ sở 1: Khu phố Lò Õ, phường Tây Nam, thành phố Hồ Chí Minh; Cơ sở 2: Khu phố Rạch Bắp, phường Tây Nam, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 02743562108

Website: <https://thantay.phuongtaynam.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu

Loại hình: Trường tiểu học Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND phường Tây Nam.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mệnh

Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

4.2. Tâm nhìn

Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; Là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; Là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

4.3. Hệ thống giá trị cơ bản

Tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Tinh thần đoàn kết, sự sáng tạo, năng động, hợp tác và khát vọng vươn lên.

4.4. Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục và giáo dục toàn diện, là cơ sở giáo dục hiện đại, tiên tiến thấm nhuần giá trị nhân văn, gìn giữ bản sắc dân tộc, phát triển phù hợp với xu thế chung của đất nước và thời đại.

Đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức trong đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Tiếp tục tổ chức thực hiện các chủ đề năm học của ngành và các cuộc vận động lớn của Đảng, của Ngành. Vận động toàn thể đội ngũ sư phạm, học sinh và phụ huynh học sinh nói và làm theo Nghị quyết của Đảng, theo pháp luật của Nhà nước.

Nhà trường bám sát mục tiêu cấp học, đầu tư tốt hơn cho công tác bồi dưỡng phương pháp dạy và học theo hướng chủ động, tích cực, hình thành ở học sinh phương pháp tự học, vận dụng có hiệu quả các kỹ năng sống, nâng cao chất lượng tiếng Anh để đáp ứng nhu cầu giai đoạn mới.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thể hiện tính nhân văn bằng những hình thức thu hút thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các tiết học ngoài trời, viếng thăm các địa chỉ đỏ, tổ chức các hoạt động từ thiện...

Cải tiến công tác quản lý, đẩy mạnh công nghệ thông tin vào công tác quản lý và giảng dạy. Quản lý phải đảm bảo tính dân chủ, khoa học, mang lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên. Phát huy vai trò của các đoàn thể, của Ban Thanh tra nhân dân. Phát hiện và nhân rộng điển hình tiên tiến, thúc đẩy sự phát triển của các cá nhân và các tập thể tổ khối.

Phối hợp tốt ba môi trường giáo dục “Nhà trường - Gia đình - Xã hội” trong công tác truyền thông nhằm giúp học sinh có ý thức bảo vệ bản thân, rèn luyện thân thể để có sức khỏe tốt.

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh và Chi hội Khuyến học nhà trường.

Tăng cường trang bị, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dạy và học theo hướng đổi mới phương pháp nhằm phục vụ mục tiêu giáo dục toàn diện.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường Tiểu học An Tây thành lập từ năm 2025 trực thuộc UBND phường Tây Nam cơ sở tổ chức lại Trường Tiểu học An Tây trực thuộc UBND thành phố Bến Cát.

Trường Tiểu học An Tây từng bước có sự phát triển cả về quy mô và chất lượng giáo dục. Với sự cố gắng không ngừng, trong những năm học vừa qua, nhà trường luôn được các cấp quản lý đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Quá trình dạy học hướng đến sự phát triển về năng lực, phẩm chất của học sinh, tăng cường tối đa tính tích cực của học sinh trong từng hoạt động học tập trên lớp và ngoài giờ lên lớp, thực hiện kiểm tra đánh giá theo tinh thần đổi mới giáo dục của Thông tư 27 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Tiểu học An Tây đã từng bước hoàn thiện, chuẩn hóa và khẳng định vị trí trong phong trào thi đua dạy tốt - học tốt, chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, đạt chỉ tiêu đề ra. Với phương châm “Tất cả vì học sinh thân yêu”. Bên cạnh đó, nhà trường còn làm tốt công tác phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, tỉ lệ học sinh tham gia và đạt giải cao các sân chơi trí tuệ, các cuộc thi ngày một tăng. Cùng với việc dạy chữ, trường cũng luôn chú trọng việc giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, tổ chức các hoạt động từ thiện, nhân đạo, hoạt động thể dục, thể thao, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm ... để học sinh phát triển toàn diện.

Cơ sở vật chất của trường tuy còn thiếu một số hạng mục nhưng vẫn đảm bảo cho hoạt động dạy và học 2 buổi/ngày.

Năm học 2023 – 2024 nhà trường vinh dự được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương (cũ) công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Văn Dũng Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Khu phố Lò Ô, phường Tây Nam, thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 0913619965

Email: dungthtd@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND phường Tây Nam

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2025 của chủ tịch UBND phường Tây Nam về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Tiểu học An Tây.

Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2025 của chủ tịch UBND

phường Tây Nam về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học An Tây.

Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2025 của chủ tịch UBND phường Tây Nam về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học An Tây.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

*** Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học An Tây**

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn**

Trường Tiểu học An Tây được thành lập theo Quyết định số 56/2025 Trường tọa lạc trên đường DT744, khu phố Lò Ò, phường Tây Nam, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường Tiểu học An Tây là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:**

- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 36 đảng viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 15 đoàn viên.
- + Ban đại diện CMHS lớp có 54 thành viên và Ban đại diện CMHS trường có 13 thành viên.
- + Có 07 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Văn Dũng	Hiệu trưởng	0913619965	dungthtd@gmail.com
2	Nguyễn Thị Bình	Phó Hiệu trưởng	0972697099	binhntthata@bc.sgdbinhduong.edu.vn
3	Trần Văn Dũng	Phó Hiệu trưởng	0918832856	tranvdung68@gmail.com

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp GV				
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
I	Giáo viên	72			66	4	2		2	47	21	63	9		

	Thiết bị													
7	Tổng phụ trách Đội	1			1									
8	Nhân viên Bảo vệ	5					5							
9	Nhân viên phục vụ	4					4							
10	Nhân viên XMPC													
11	Nhân viên phụ trách CNTT	1			1									

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	61/54	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	58	1.18
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm	3	1.18
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	15.858	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3.338	
VI	Tổng diện tích các phòng	5144	
1	Diện tích phòng học (m ²)	3479	
2	Diện tích thư viện (m ²)	200	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng, nhà ăn (m ²)	750	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật(m ²)	143	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ(m ²)	143	

6	Diện tích phòng tin học(m ²)	143	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục(m ²)	143	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập(m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội(m ²)	143	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	23	1 bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo qui định		
1.1	Khối lớp 1	12	13 bộ/13 lớp
1.2	Khối lớp 2	11	11 bộ/11 lớp
1.3	Khối lớp 3	0	
1.4	Khối lớp 4	0	
1.5	Khối lớp 5	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với qui định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	11	
2.4	Khối lớp 4	11	
2.5	Khối lớp 5	8	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	71	40 học sinh/bộ 50/1 bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	54	1 thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	35	
5	Nhạc cụ	10	
6	Thiết bị khác...		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trường Tiểu học An Tây.

- Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1872/QĐ-UBND

ngày 19/07/2023 của UBND tỉnh Bình Dương (cũ).

- Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 1067/QĐ-SGDĐT ngày 06/7/2023

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

Khối	Đầu năm học		Cuối năm học		Bỏ học			Chuyển trường	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
1	13	648	13	603						45
2	11	525	11	517						8
3	11	519	11	508						11
4	11	569	11	554						15
5	8	407	8	400						7

2. Kết quả học tập, rèn luyện cuối năm

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	2582	603	517	508	554	400
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	2582	603	517	508	554	400
III	Số học sinh chia theo năng lực và phẩm chất	2582	603	517	508	554	400
1	Năng lực	2582	603	517	508	554	400
1.1	Tự chủ và tự học	2582	603	517	508	554	400
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1206 46,7%	288 47,8%	229 44,3%	220 43,3%	261 47,1%	208 52,0%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1352 52,4%	299 49,6%	283 54,7%	285 56,1%	293 52,9%	192 48,0%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	24 0,9%	16 2,7%	5 1,0%	3 0,6%	0 0%	0 0%
1.2	Giao tiếp và hợp tác	2582	603	517	508	554	400
	Tốt	1284	302	242	207	302	231

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	(tỷ lệ so với tổng số)	49,7%	50,1%	46,8%	40,7%	54,5%	57,8%
	Đạt	1277	285	273	298	252	169
	(tỷ lệ so với tổng số)	49,5%	47,3%	52,8%	58,7	45,5%	42,3%
	Cần cố gắng	21	16	2	3	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,8%	2,7%	0,4%	0,6%	0%	0%
1.3	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	2582	603	517	508	554	400
	Tốt	969	273	219	162	167	148
	(tỷ lệ so với tổng số)	37,5%	45,3	42,4%	31,9%	30,1%	37,0%
	Đạt	1568	306	288	336	386	252
	(tỷ lệ so với tổng số)	60,7%	50,7%	55,7%	66,1%	69,7%	63,0%
	Cần cố gắng	45	24	10	10	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1,7%	4,0%	1,9%	2,0%	0,2%	%
1.4	Ngôn ngữ	2582	603	517	508	554	400
	Tốt	1102	273	228	217	220	164
	(tỷ lệ so với tổng số)	42,7%	45,3%	44,1%	42,7%	39,7%	41,0%
	Đạt	1438	306	278	284	334	236
	(tỷ lệ so với tổng số)	55,7%	50,7%	53,8%	55,9%	60,3%	59,0%
	Cần cố gắng	42	24	11	7	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1,6%	4,0%	2,1%	1,4%	0%	0%
1.5	Tính toán	2582	603	517	508	554	400
	Tốt	1157	325	238	209	214	171
	(tỷ lệ so với tổng số)	44,8%	53,9%	46,0%	41,1%	38,6%	42,8%
	Đạt	1392	256	275	293	339	229
	(tỷ lệ so với tổng số)	53,9%	42,5%	53,2%	57,7%	61,2%	57,3%
	Cần cố gắng	33	22	4	6	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1,3%	3,6%	0,8%	1,2%	0,2%	0%
1.6	Tin học	1462			508	554	400
	Tốt	553			196	195	162
	(tỷ lệ so với tổng số)	37,8%			38,6%	35,2%	40,5%
	Đạt	908			311	359	238
	(tỷ lệ so với tổng số)	62,1%			61,2%	64,8%	59,5%
	Cần cố gắng	1			1	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,1%			0,2%	0%	0%
1.7	Công nghệ	1462			508	554	400
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	763 52,2%			235 46,3%	292 52,7%	236 59,0%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	699 47,8%			273 53,7%	262 47,3%	164 41,0%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%			0 0%	0 0%	0 0%
1.8	Khoa học	2582	603	517	508	554	400
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1373 53,2%	349 57,9%	258 49,9%	239 47,0%	281 50,7%	246 61,5%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1209 46,8%	254 42,1%	259 50,1%	269 53,0%	273 49,3%	154 38,5%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
1.9	Thẩm mỹ	2582	603	517	508	554	400
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1617 62,6%	331 54,9%	328 63,4%	318 62,6%	356 64,3%	284 71,0%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	965 37,4%	272 45,1%	189 36,6%	190 37,4%	198 35,7%	116 29,0%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
1.10	Thể chất	2582	603	517	508	554	400
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1678 65,0%	362 60,0%	320 61,9%	288 56,7%	449 81,0%	259 64,8%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	904 35,0%	241 40,0%	197 38,1%	220 43,3%	105 19,0%	141 35,3%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
2	Phẩm chất	2582	603	517	508	554	400
2.1	Yêu nước	2582	603	517	508	554	400
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1738 67,3%	401 66,5%	295 57,1%	310 61,0%	403 72,7%	329 82,3%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	844 32,7%	202 33,5%	222 42,9%	198 39,0%	151 27,3%	71 17,8%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
2.2	Nhân ái	2582	603	517	508	554	400
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1636 63,4%	398 66,0%	287 55,5%	291 57,3%	359 64,8%	301 75,3%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	946 36,6%	205 34,0%	230 44,5%	217 42,7%	195 35,2%	99 24,8%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
2.3	Chăm chỉ	2582	603	517	508	554	400
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1187 46,0%	315 52,2%	236 45,6%	213 41,9%	275 49,6%	148 37,0%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1390 53,8%	284 47,1%	280 54,2%	295 58,1%	279 50,4%	252 63,0%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	5 0,2%	4 0,7%	1 0,2%	0 0%	0 0%	0 0%
2.4	Trung thực	2582	603	517	508	554	400
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1602 62,0%	386 64,0%	301 58,2%	277 54,5%	362 65,3%	276 69,0%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	980 38,0%	217 36,0%	216 41,8%	231 45,5%	192 34,7%	124 31,0%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
2.5	Trách nhiệm	2582	603	517	508	554	400
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1387 53,7%	333 55,2%	247 47,8%	233 45,9%	311 56,1%	263 65,8%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1195 46,3%	270 44,8%	270 52,2%	275 54,1%	243 43,9%	137 34,2%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
IV	Số học sinh chia theo kết	2582	603	517	508	554	400

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	quả học tập						
1	Tiếng Việt	2582	603	517	508	554	400
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1106 42,8%	272 45,1%	228 44,1%	222 43,7%	220 39,7%	164 41,0%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1434 55,5%	307 50,9%	278 53,8%	279 54,9%	334 60,3%	236 59,0%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	42 1,6%	24 4,0%	11 2,1%	7 1,4%	0 0%	0 0%
2	Toán	2582	603	517	508	554	400
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1155 44,7%	325 53,9%	234 45,3%	210 41,3%	215 38,8%	171 42,8%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1394 54,0%	256 42,5%	279 54,0%	292 57,5%	338 61,0%	229 57,3%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	33 1,3%	22 3,6%	4 0,8%	6 1,2%	1 0,2%	0 0%
3	Đạo đức	2582	603	517	508	554	400
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1498 58,0%	366 60,7%	265 51,1%	269 53,0%	328 59,2%	270 67,5%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1084 42,0%	237 39,3%	252 48,7%	239 47,0%	226 40,8%	130 32,5%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
4	Tự nhiên và Xã hội	1628	603	517	508		
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	845 51,9%	344 57,0%	253 48,9%	248 48,8%		
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	783 48,1%	259 43,0%	264 51,1%	260 51,2%		
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%		
5	Khoa học	954				554	400
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	527 55,2%				281 50,7%	246 61,5%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	427 44,8%				273 49,3%	154 38,5%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%				0 0%	0 0%
6	Lịch sử và Địa lí	954				554	400
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	496 52,0%				279 50,4%	217 54,3%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	458 48,0%				275 49,6%	183 45,8%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%				0 0%	0 0%
7	Âm nhạc	2582	603	517	508	554	400
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1451 56,2%	329 54,6%	286 55,3%	262 51,6%	304 54,9%	270 67,5%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1131 43,8%	274 45,4%	231 44,7%	246 48,4%	250 45,1%	130 32,5%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
8	Mĩ thuật	2582	603	517	508	554	400
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1643 63,6%	348 57,7%	326 63,1%	333 65,6%	359 64,8%	277 69,3%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	939 36,4%	255 42,3%	191 36,9%	175 34,4%	195 35,2%	123 30,8%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
9	Hoạt động trải nghiệm	2582	603	517	508	554	400
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1410 54,6%	333 55,2%	248 48,0%	242 47,6%	317 57,2%	270 67,5%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1172 45,4%	270 44,8%	269 52,0%	266 52,4%	237 42,8%	130 32,5%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
10	Giáo dục thể chất	2582	603	517	508	554	400

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1688 65,4%	361 59,9%	323 62,5%	294 57,9%	451 81,4%	259 64,8%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	894 34,6%	242 40,1%	194 37,5%	214 42,1%	103 18,6%	141 35,3%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
11	Công nghệ	1462			508	554	400
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	761 52,1%			234 46,1%	292 52,7%	235 58,8%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	701 47,9%			274 53,9%	262 47,3%	165 41,3%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%			0 0%	0 0%	0 0%
12	Tin học	1979		517	508	554	400
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	790 39,9%		243 47,0%	192 37,8%	193 34,8%	162 40,5%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1187 60,0%		274 53,0%	314 61,8%	361 65,2%	238 59,5%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,1%		0 0%	2 0,4%	0 0%	0 0%
13	Ngoại ngữ	2582	603	517	508	554	400
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	989 38,3%	244 40,5%	188 36,4%	191 37,6%	201 36,3%	165 41,3%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1587 61,5%	355 58,9%	329 63,6%	316 62,2%	352 63,5%	235 58,8%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	6 0,2%	4 0,7%	0 0%	0 0%	1 0,2%	1 0,2%
V	Kết quả đánh giá học sinh	2582	603	517	508	554	400
1	Hoàn thành xuất sắc	770 29,8%	238 39,5%	180 34,8%	127 25,0%	117 21,1%	108 27,0%
2	Hoàn thành tốt	174 6,7%	29 4,8%	27 5,2%	31 6,1%	48 8,7%	39 9,8%
3	Hoàn thành	1592 61,7%	312 51,7%	299 57,8%	340 66,9%	388 70,0%	253 63,3%
4	Chưa hoàn thành	46 1,8%	24 4,0%	11 2,1%	10 2,0%	1 0,2%	0 0%
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm	2582	603	517	508	554	400
1	Lên lớp	2536 98,2%	579 96,0%	506 97,9%	498 98,0%	553 99,8%	400 100%
2	Ở lại lớp	46 1,8%	24 4,0%	11 2,1%	10 2,0%	1 0,2%	0 0%

Trên đây là Báo cáo thường niên của Trường Tiểu học An Tây năm học 2025-2026.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo nhà trường;
- Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Dũng